

Điểm quá trình học phần **LLDH Toán 2**, các lớp **chính quy K38**, học kỳ **I** năm học 2014 - 2015:

STT	Mã số SV	Họ tên	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	001	Lê Vũ Tuyết An	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102702
2	002	Huỳnh Thị Bình An	6	Sáu	1411PRIM102703
3	005	Lê Hồng Anh	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102702
4	007	Cao Thị Ngọc Anh	7	Bảy	1411PRIM102703
5	008	Đỗ Hữu Hồng Ân	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102703
6	014	Đỗ Thị Chi	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
7	016	Nguyễn Thị Chung	6	Sáu	1411PRIM102703
8	017	Nông Thị Chuyên	6	Sáu	1411PRIM102703
9	021	Hoàng Vy Dung	6	Sáu	1411PRIM102703
10	023	Lê Thị Thùy Duyên	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
11	025	Võ Thị Ngọc Hân	6	Sáu	1411PRIM102703
12	027	Đỗ Thị Bích Hằng	6	Sáu	1411PRIM102703
13	033	Hồ Lâm Bảo Hà	6	Sáu	1411PRIM102702
14	035	Lê Thị Hiền	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102702
15	041	Nguyễn Thị Minh Hoàng	7	Bảy	1411PRIM102702
16	045	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	6	Sáu	1411PRIM102702
17	051	Quách Mỹ Kiều	6	Sáu	1411PRIM102703
18	056	Nguyễn Thị Hương Lại	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102703
19	060	Trần Thị Trúc Linh	6	Sáu	1411PRIM102702
20	061	Trần Thị Phương Linh	7.5	Bảy rưỡi	1411PRIM102701
21	063	Huỳnh Nguyễn Thanh Mai	7	Bảy	1411PRIM102701
22	064	Dương Trần Thanh Mai	6	Sáu	1411PRIM102701
23	065	Thập Thị Hồng Mến	6	Sáu	1411PRIM102702
24	068	Nguyễn Thị Hồng Nga	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
25	069	Nguyễn Thị Tố Nga	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
26	070	Trần Thị Nga	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
27	071	Nguyễn Thị Hồng Nga	6	Sáu	1411PRIM102702
28	072	Nguyễn Thị Mỹ	7	Bảy	1411PRIM102701

		Ngân			
29	074	Nguyễn Thị Thu Ngân	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
30	077	Ngô Thị Bích Ngọc	6	Sáu	1411PRIM102702
31	078	Huỳnh Mỹ Ngọc	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102701
32	079	Vũ Thị Bích Ngọc	8	Tám	1411PRIM102702
33	080	Tổng Thị Trần Nguyên	6	Sáu	1411PRIM102701
34	081	Phạm Thảo Nhi	7	Bảy	1411PRIM102701
35	086	Lê Vương Quỳnh Như	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102701
36	087	Lê Nguyễn Quỳnh Như	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
37	089	Huỳnh Thị Hồng Phúc	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
38	090	Nguyễn Trần Hà Phương	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102701
39	091	Nguyễn Thị Ngọc Phương	6	Sáu	1411PRIM102701
40	094	Vũ Thị Phụng	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102702
41	095	Nguyễn Hồng Phước	6	Sáu	1411PRIM102702
42	097	Nguyễn Như Quỳnh	7.5	Bảy rưỡi	1411PRIM102702
43	099	Hồ Thanh Quỳnh	7	Bảy	1411PRIM102702
44	101	Nguyễn Thị Quý	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102702
45	102	Thông Thị Ngọc Sang	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102702
46	104	Đặng Thị Sữa	6	Sáu	1411PRIM102702
47	109	Nguyễn Thị Kim Thanh	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
48	110	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	5	Năm	1411PRIM102702
49	112	Nguyễn Huỳnh Như Thảo	7	Bảy	1411PRIM102701
50	113	Nguyễn Bích Thảo	6	Sáu	1411PRIM102703
51	114	Huỳnh Thị Thanh Thảo	6	Sáu	1411PRIM102702
52	116	Nguyễn Thị Phương Thảo	6	Sáu	1411PRIM102702
53	117	Phạm Thị Thanh Thảo	6	Sáu	1411PRIM102702
54	118	Nguyễn Thị Thoa	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102702
55	120	Nguyễn Thị Thu	7	Bảy	1411PRIM102703
56	121	Nguyễn Thị Yếng	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701

Điểm quá trình LLDH Toán 2 (CQK38-HK1)

Thứ năm, 18 Tháng 12 2014 16:20

		Thu			
57	122	Thạch Thị Chành Thu	6	Sáu	1411PRIM102703
58	125	Phan Thị Ngọc Thúy	7	Bảy	1411PRIM102702
59	129	Lâm Anh Thơ	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102702
60	134	Nguyễn Thị Hoài Thương	6	Sáu	1411PRIM102702
61	136	Đặng Thị Cẩm Tiên	6	Sáu	1411PRIM102703
62	137	Phan Thị Thu Trang	6	Sáu	1411PRIM102702
63	139	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	6	Sáu	1411PRIM102703
64	141	Nguyễn Lê Phương Trinh	7	Bảy	1411PRIM102703
65	142	Võ Thị Việt Trinh	6	Sáu	1411PRIM102702
66	145	Nguyễn Lê Thanh Trúc	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102703
67	148	Bá Thị Kim Tuyền	6	Sáu	1411PRIM102702
68	149	Nguyễn Thị Kim Tuyết	7	Bảy	1411PRIM102702
69	150	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8	Tám	1411PRIM102701
70	156	Nguyễn Tường Vi	7	Bảy	1411PRIM102702
71	157	Lê Thị Hồng Vy	6	Sáu	1411PRIM102703
72	159	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	6	Sáu	1411PRIM102703
73	160	Phạm Thị Mỹ Yến	6	Sáu	1411PRIM102703
74	161	Lê Thị Hải Yến	5	Năm	1411PRIM102703
75	163	Nguyễn Hải Yến	7	Bảy	1411PRIM102702
76	164	Hoàng Thị Ngọc Yến	6	Sáu	1411PRIM102702
77	166	Võ Hoài Phương	6	Sáu	1411PRIM102702
78	167	Nguyễn Thị Kim Phụng	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102702
79	005	Trần Thị Vân Anh	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102702
80	007	Phan Diên Thị Ngọc Bích	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102701
81	010	Đặng Minh Châu	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
82	011	Lê Huỳnh Ngọc Châu	6	Sáu	1411PRIM102702
83	012	Nguyễn Thị Kim Chi	6	Sáu	1411PRIM102703
84	015	Nguyễn Thị Cẩm Dân	6	Sáu	1411PRIM102702
85	016	Nguyễn Thị Ngọc	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102703

Điểm quá trình LLDH Toán 2 (CQK38-HK1)

Thứ năm, 18 Tháng 12 2014 16:20

		Điểm			
86	020	Nguyễn Thị Thùy Dung	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
87	021	Huỳnh Thụy Hương Duyên	6	Sáu	1411PRIM102701
88	024	Lê Thị Bích Duyên	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
89	026	Nguyễn Hữu Định	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102702
90	027	Ka Dịu	6	Sáu	1411PRIM102703
91	028	Ka Dịu	5	Năm	1411PRIM102702
92	030	Nguyễn Thị Cẩm Giang	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
93	035	Hoàng Thị Hằng	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102701
94	036	Võ Thị Nhật Hạ	6	Sáu	1411PRIM102702
95	039	Thân Thu Hà	7	Bảy	1411PRIM102701
96	040	Nguyễn Thị Hải	6	Sáu	1411PRIM102701
97	041	Cao Diệu Hào	6	Sáu	1411PRIM102701
98	042	Nguyễn Thị Thanh Hiền	6	Sáu	1411PRIM102702
99	043	Nguyễn Thu Hiền	6	Sáu	1411PRIM102703
100	044	Nguyễn Thị Hiền	7.5	Bảy rưỡi	1411PRIM102703
101	045	Trần Thị Quỳnh Hoa	6	Sáu	1411PRIM102702
102	046	Vũ Nữ Thu Hoài	6	Sáu	1411PRIM102703
103	051	Ung Ngọc Hòa	6	Sáu	1411PRIM102703
104	052	Phạm Thị Kim Huệ	6	Sáu	1411PRIM102701
105	054	Nguyễn Thị Phương Huyền	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102701
106	055	Lê Thị Thu Hương	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102702
107	058	Lỗ Thị Thu Hương	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102702
108	059	Cil Múp K' Hương	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102701
109	060	Lại Thị Hường	6	Sáu	1411PRIM102702
110	062	Nguyễn Minh Khôi	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
111	063	Trần Thị Khuyên	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
112	064	Nguyễn Trần Diễm Kiều	7.5	Bảy rưỡi	1411PRIM102703
113	066	Trần Thị Hoàng Kim	6	Sáu	1411PRIM102701
114	068	Trần Thị Mai Lan	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
115	070	Lê Thị Tuyết Lan	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
116	071	Hồ Thanh Ngọc Trúc Liên	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701

Điểm quá trình LLDH Toán 2 (CQK38-HK1)

Thứ năm, 18 Tháng 12 2014 16:20

117	074	Lê Thùy Linh	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102703
118	078	Trương Ngọc Linh	6	Sáu	1411PRIM102701
119	080	Nguyễn Thị Ngọc Loan	6	Sáu	1411PRIM102702
120	082	Đinh Thị Ly	6	Sáu	1411PRIM102701
121	086	Trần Thanh Nga	6	Sáu	1411PRIM102701
122	087	Vũ Kim Ngân	6	Sáu	1411PRIM102701
123	088	Lương Thị Kim Ngân	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102702
124	089	Huỳnh Thị Kim Ngọc	7	Bảy	1411PRIM102701
125	090	Trần Thị Thảo Nguyên	6	Sáu	1411PRIM102701
126	091	Nguyễn Lê Tâm Nguyên	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
127	096	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	6	Sáu	1411PRIM102703
128	098	Phan Ngọc Nhung	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
129	102	Nguyễn Thị Trinh Nữ	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
130	105	Trịnh Hoa Vân Phụng	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
131	109	Nguyễn Ngọc Uyên Phương	7	Bảy	1411PRIM102701
132	110	Nguyễn Ngọc Quỳnh Phương	6	Sáu	1411PRIM102703
133	114	Nguyễn Lê Thảo Quỳnh	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
134	115	Lương Thị Trúc Quỳnh	6	Sáu	1411PRIM102701
135	117	Ông Hoàng Sơn	5	Năm	1411PRIM102703
136	118	Dương Thị Trúc Tâm	7	Bảy	1411PRIM102701
137	121	Lâm Thị Thu Thảo	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
138	123	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
139	125	Văn Thạch Thảo	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102701
140	130	Nguyễn Thị Thanh Thúy	6	Sáu	1411PRIM102703
141	131	Hà Thị Thúy	5	Năm	1411PRIM102701
142	132	Nguyễn Ngọc Phương Thủy	6	Sáu	1411PRIM102702
143	133	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	6	Sáu	1411PRIM102703
144	136	Phó Minh Thư	6	Sáu	1411PRIM102702
145	137	Kim Thị Minh	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102701

		Thư			
146	139	Lư Thị Kim Tiến	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
147	140	Huỳnh Trần Cát Tiên	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102702
148	141	Võ Thị Cẩm Tiên	6	Sáu	1411PRIM102703
149	142	Nguyễn Thị Thủy Tiên	6	Sáu	1411PRIM102703
150	144	Huỳnh Kim Trang	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102701
151	146	Đặng Nguyệt Mai Trâm	6	Sáu	1411PRIM102703
152	149	Nguyễn Thị Ngọc Truyền	6	Sáu	1411PRIM102701
153	151	Phùng Nguyễn Phương Trúc	6	Sáu	1411PRIM102703
154	152	Trần Thị Ngọc Tuyền	6	Sáu	1411PRIM102702
155	153	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	6	Sáu	1411PRIM102703
156	155	Hồ Thị Xuân Tuyết	5	Năm	1411PRIM102701
157	156	Đinh Tú Tú	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102702
158	161	Nguyễn Thị Thùy Vân	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102702
159	162	Phạm Phương Hồng Vân	6	Sáu	1411PRIM102703
160	163	Nguyễn Thảo Quỳnh Vi	6	Sáu	1411PRIM102702
161	164	Huỳnh Tuyết Vy	6.5	Sáu rưỡi	1411PRIM102703
162	167	Nguyễn Thị Hải Yến	5.5	Năm rưỡi	1411PRIM102703
163	1163	Trần Thị Anh	5	Năm	VB2 K3.1